

**KẾT QUẢ THI NGHỀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
HỘI ĐỒNG 83: THPT LONG TRƯỜNG**

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
1	101586	1	Đỗ Nguyễn Quang An	11	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6	10	9.0	Giỏi
2	101587	1	Lại Hoàng Thanh An	21	07	2000	An Giang	Long Trường	Chăn nuôi	8.25	9.5	9.0	Giỏi
3	101588	1	Lê Trần Bình An	07	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7	9	8.5	Khá
4	101589	1	Bùi Nguyễn Trâm Anh	03	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7	10	9.5	Giỏi
5	101590	1	Đỗ Diệp Quỳnh Anh	20	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.5	10	9.5	Giỏi
6	101591	1	Hoàng Tuấn Anh	17	10	2000	Nam Định	Phước Long	Chăn nuôi	4.75	9.5	8.5	Tbình
7	101592	1	Lê Huỳnh Minh Anh	22	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8.25	9	9.0	Giỏi
8	101593	1	Nguyễn Bùi Trâm Anh	29	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7	10	9.5	Giỏi
9	101594	1	Nguyễn Minh Anh	28	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	v	v		
10	101595	1	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	10	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	5.75	10	9.0	Giỏi
11	101596	1	Nguyễn Quang Anh	22	11	2000	Nghệ An	Phước Long	Chăn nuôi	7.75	10	9.5	Giỏi
12	101597	1	Nguyễn Tuấn Anh	05	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.5	10	9.5	Giỏi
13	101598	1	Trần Hoàng Anh	25	10	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.75	10	9.5	Giỏi
14	101599	1	Trần Thế Anh	08	08	2000	Bình Định	Phước Long	Chăn nuôi	5	8.5	7.5	Khá
15	101600	1	Trần Thị Lâm Anh	23	01	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8	10	9.5	Giỏi
16	101601	1	Võ Phạm Quỳnh Anh	27	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	5.25	10	9.0	Giỏi
17	101602	1	Vũ Nguyễn Lan Anh	26	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.5	9	8.5	Khá
18	101603	1	Đỗ Thụy Ngọc Ánh	08	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.5	10	9.5	Giỏi
19	101604	1	Lý Thị Ngọc Ánh	28	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8	10	9.5	Giỏi
20	101605	1	Nguyễn Nguyên Bách	11	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.25	10	9.0	Giỏi
21	101606	1	Vũ Xuân Bách	21	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.5	10	9.5	Giỏi
22	101607	1	Nguyễn Nhất Bảo	13	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	10	9.0	Giỏi
23	101608	1	Nguyễn Thái Bình	04	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.5	10	8.5	Tbình
24	101609	1	Nguyễn Thanh Bình	26	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5	10	9.0	Giỏi
25	101610	1	Nguyễn Thị Thanh Bình	17	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7	10	9.5	Giỏi
26	101611	1	Đặng Duy Bửu	21	09	1999	Bến Tre	Long Trường	Chăn nuôi	6.25	10	9.0	Giỏi
27	101612	1	Trần Gia Cát	20	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6	9	8.5	Khá
28	101613	1	Vũ Thị Huyền Châm	08	04	2000	Nam Định	Phước Long	Chăn nuôi	8.75	10	9.5	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
29	101614	2	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	19	12	1999	Tây Ninh	Long Trường	Chăn nuôi	7.75	7	7.0	Khá
30	101615	2	Vũ Thị Mai	Chi	08	04	2000	Nam Định	Phước Long	Chăn nuôi	8.75	9	9.0	Giỏi
31	101616	2	Trần Văn	Chính	08	04	2000	Bình Dương	Phước Long	Chăn nuôi	8	9	9.0	Giỏi
32	101617	2	Trần Quốc	Chung	02	10	2000	Nam Định	Phước Long	Chăn nuôi	8.25	9	9.0	Giỏi
33	101618	2	Nguyễn Đức	Công	06	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	9	9	9.0	Giỏi
34	101619	2	Nguyễn Văn	Công	23	01	2000	Bắc Giang	Long Trường	Chăn nuôi	8.25	8	8.0	Khá
35	101620	2	Trần Tiến	Công	16	09	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	v	v		
36	101621	2	Nguyễn Thị	Cửa	24	09	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6	9	8.5	Khá
37	101622	2	Nguyễn Tấn	Cường	25	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	8	7.5	Khá
38	101623	2	Trương Phú	Cường	15	11	2000	Quảng Trị	Phước Long	Chăn nuôi	8.75	7	7.5	Khá
39	101624	2	Nguyễn Thành	Danh	01	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.75	8	8.0	Khá
40	101625	2	Vòng Ngọc Minh	Dậu	23	12	2000	Đồng Nai	Phước Long	Chăn nuôi	8.25	9.5	9.0	Giỏi
41	101626	2	Mai Vũ	Dũng	04	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	5.25	8.5	7.5	Khá
42	101627	2	Trần Trung	Dũng	20	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	3.75	8.5	7.5	Tbình
43	101628	2	Lê Vạn Minh	Duy	08	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8	9.5	9.0	Giỏi
44	101629	2	Nguyễn Bảo	Duy	21	11	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	v	v		
45	101630	2	Bùi Thị Mỹ	Duyên	09	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.25	10	9.5	Giỏi
46	101631	2	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	13	06	2000	Bình Thuận	Phước Long	Chăn nuôi	7.75	10	9.5	Giỏi
47	101632	2	Dương Hải	Dương	23	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.75	9.5	9.0	Giỏi
48	101633	2	Lê Hoàng Tiến	Dương	12	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	3.5	9.5	8.0	Tbình
49	101634	2	Nguyễn Thị Thùy	Dương	13	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.5	10	8.5	Tbình
50	101635	2	Ngô Anh	Đào	26	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.25	7	7.0	Khá
51	101636	2	Nguyễn Thị Hồng	Đào	24	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.25	9.5	8.5	Khá
52	101637	2	Đỗ Hoàng	Đạt	06	09	1999	Thanh Hóa	Long Trường	Chăn nuôi	7.75	10	9.5	Giỏi
53	101638	2	Nguyễn Quốc	Đạt	06	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.75	10	9.5	Giỏi
54	101639	2	Nguyễn Văn	Đạt	27	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8	9.5	9.0	Giỏi
55	101640	2	Trần Nguyễn	Đạt	26	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.25	8.5	8.5	Khá
56	101641	2	Trần Tấn	Đạt	22	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.25	8	7.5	Khá
57	101642	3	Trần Tuấn	Đạt	01	01	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.5	10	8.5	Tbình
58	101643	3	Trương Thành	Đạt	23	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	v	v		
59	101644	3	Võ Thành	Đạt	29	12	1999	Kiên Giang	Long Trường	Chăn nuôi	7	10	9.5	Giỏi
60	101645	3	Vương Thành	Đạt	25	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.5	8	7.5	Khá
61	101646	3	Nguyễn Huỳnh Trọng	Đệ	05	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.25	10	9.0	Giỏi
62	101647	3	Nguyễn Lê Huỳnh	Đức	24	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8.25	9.5	9.0	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
63	101648	3	Trần Anh Đức	04	11	1999	Đồng Tháp	Long Trường	Chăn nuôi	5.75	9.5	8.5	Khá
64	101649	3	Lê Ngọc Giao	25	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7	10	9.5	Giỏi
65	101650	3	Lê Bá Mạnh	01	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.25	9	8.5	Khá
66	101651	3	Dương Thị Ngọc Hà	09	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.5	8	7.5	Khá
67	101652	3	Đặng Thị Hồng Hà	14	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.75	10	9.0	Giỏi
68	101653	3	Hoàng Diệu Hà	18	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.75	9	9.0	Giỏi
69	101654	3	Hồ Phạm Ngân Hà	18	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8	10	9.5	Giỏi
70	101655	3	Nguyễn Mỹ Hoàng Hà	21	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8	10	9.5	Giỏi
71	101656	3	Nguyễn Phan Thanh Hà	12	10	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	v	v		
72	101657	3	Nguyễn Hoàng Hải	16	08	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.25	9	8.0	Tbình
73	101658	3	Nguyễn Hoàng Hải	31	10	2000	Đồng Nai	Phước Long	Chăn nuôi	7	10	9.5	Giỏi
74	101659	3	Phan Nguyễn Thanh Hải	27	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.75	10	9.5	Giỏi
75	101660	3	Đào Ngọc Mỹ Hạnh	27	10	2000	Bình Thuận	Long Trường	Chăn nuôi	6	10	9.0	Giỏi
76	101661	3	Trần Ngọc Đức Hạnh	25	03	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.5	9.5	8.5	Tbình
77	101662	3	Trương Thị Hạnh	02	10	2000	Bắc Ninh	Phước Long	Chăn nuôi	8	10	9.5	Giỏi
78	101663	3	Vũ Xuân Hào	16	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.75	10	9.0	Giỏi
79	101664	3	Huỳnh Thị Thu Hằng	09	05	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.5	10	9.5	Giỏi
80	101665	3	Nguyễn Thị Thanh Hằng	27	01	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8.25	9	9.0	Giỏi
81	101666	3	Cao Ngọc Hân	20	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.25	10	9.5	Giỏi
82	101667	3	Nguyễn Thị Ngọc Hân	04	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.5	9	8.5	Khá
83	101668	3	Trịnh Gia Hân	15	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.25	10	9.5	Giỏi
84	101669	3	Nguyễn Đình Trung Hậu	19	05	2000	Hậu Giang	Long Trường	Chăn nuôi	5.75	10	9.0	Giỏi
85	101670	4	Huỳnh Thị Thu Hiền	14	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.5	9	8.0	Tbình
86	101671	4	Lê Văn Hiền	23	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8	9	9.0	Giỏi
87	101672	4	Lương Văn Hiền	02	02	2000	Quảng Ngãi	Long Trường	Chăn nuôi	5.5	7	6.5	Tbình
88	101673	4	Nguyễn Hiếu Hiền	07	10	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.25	9	8.0	Khá
89	101674	4	Nguyễn Thị Thảo Hiền	06	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8	9.5	9.0	Giỏi
90	101675	4	Phạm Võ Minh Hiền	06	05	2000	Quảng Ngãi	Phước Long	Chăn nuôi	8.25	9	9.0	Giỏi
91	101676	4	Võ Thị Thu Hiền	13	11	2000	Quảng Ngãi	Long Trường	Chăn nuôi	5.5	9.5	8.5	Khá
92	101677	4	Võ Thị Thu Hiền	20	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.25	9.5	8.5	Khá
93	101678	4	Đoàn Kim Hiền	21	04	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7	9	8.5	Khá
94	101679	4	Bùi Như Hiếu	08	05	2000	Hà Nội	Phước Long	Chăn nuôi	7	9.5	9.0	Giỏi
95	101680	4	Lê Hữu Hiếu	03	05	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.25	9.5	8.5	Khá
96	101681	4	Nguyễn Cao Thu Hiếu	24	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.75	10	9.5	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
97	101682	4	Trương Minh	Hiếu	22	10	2000	Tây Ninh	Phước Long	Chăn nuôi	5	5	5.0	Tbình
98	101683	4	Nguyễn Đức	Hoàng	26	07	2000	Thái Bình	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	9	8.5	Khá
99	101684	4	Nguyễn Tấn	Hoàng	14	11	2000	Quảng Nam	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	9	8.5	Khá
100	101685	4	Vương Thị Thúy	Hoàng	05	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	5.5	9.5	8.5	Khá
101	101686	4	Nguyễn Ánh	Hồng	23	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8.5	10	9.5	Giỏi
102	101687	4	Tô Thị Ánh	Hồng	02	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.25	10	9.0	Giỏi
103	101688	4	Trần Thị Thu	Hồng	02	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4	10	8.5	Tbình
104	101689	4	Trương Thị Thu	Hồng	04	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8.25	10	9.5	Giỏi
105	101690	4	Nguyễn Thị Kim	Huệ	29	09	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.75	9.5	8.5	Khá
106	101691	4	Mai Tuấn	Hùng	15	06	1998	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7	9.5	9.0	Giỏi
107	101692	4	Châu Dân	Huy	30	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	3.5	9	7.5	Tbình
108	101693	4	Lê Quang	Huy	18	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7	10	9.5	Giỏi
109	101694	4	Ngô Nhật	Huy	10	06	2000	Bình Định	Phước Long	Chăn nuôi	7.25	9.5	9.0	Giỏi
110	101695	4	Nguyễn Tấn	Huy	30	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.5	9	8.5	Khá
111	101696	4	Huỳnh Thị Minh	Huyền	29	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.25	9	9.0	Giỏi
112	101697	4	Nguyễn Thị	Huyền	01	04	2000	Bình Dương	Long Trường	Chăn nuôi	8	9.5	9.0	Giỏi
113	101698	5	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	11	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.25	8	8.0	Khá
114	101699	5	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	29	07	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.25	10	9.0	Giỏi
115	101700	5	Đỗ Minh	Hung	05	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.25	8	8.0	Khá
116	101701	5	Lê Thanh	Hung	13	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6	10	9.0	Giỏi
117	101702	5	Lưu Quốc	Hung	08	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.75	9	8.0	Khá
118	101703	5	Nguyễn Duy	Hung	10	12	2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Long Trường	Chăn nuôi	5.5	10	9.0	Giỏi
119	101704	5	Nguyễn Lê	Hung	13	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.25	9	9.0	Giỏi
120	101705	5	Nguyễn Minh	Hung	24	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	9	9	9.0	Giỏi
121	101706	5	Nguyễn Tấn	Hung	03	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7	10	9.5	Giỏi
122	101707	5	Lê Thị Thanh	Hương	26	01	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	5.75	10	9.0	Giỏi
123	101708	5	Nguyễn Huỳnh	Hương	24	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	v	v		
124	101709	5	Nguyễn Ngọc	Hương	11	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7	10	9.5	Giỏi
125	101710	5	Võ Hoàng Thiên	Hương	22	02	2000	Tiền Giang	Long Trường	Chăn nuôi	5.25	8	7.5	Khá
126	101711	5	Nguyễn Ngọc	Hường	26	06	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8.25	8.5	8.5	Khá
127	101712	5	Nguyễn Thị	Hường	24	12	2000	Ninh Thuận	Phước Long	Chăn nuôi	6.5	10	9.0	Giỏi
128	101713	5	Lê Đức	Hữu	20	03	2000	Hải Dương	Long Trường	Chăn nuôi	6.25	10	9.0	Giỏi
129	101714	5	Tô Phụng	Hy	11	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.5	10	9.0	Giỏi
130	101715	5	Đỗ Trần Quang	Khải	27	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5	10	9.0	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
131	101716	5	Huỳnh Nguyễn Hoàng Khải	10	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.25	8.5	8.0	Khá
132	101717	5	Đặng Phúc Khang	30	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	v	v		
133	101718	5	Nguyễn Đức Nguyên Khang	21	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6	8.5	8.0	Khá
134	101719	5	Tô Bảo Khang	18	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.75	8	7.0	Tbình
135	101720	5	Trương Minh Khang	17	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.75	9	8.5	Khá
136	101721	5	Nguyễn Bảo Khanh	27	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.5	10	9.5	Giỏi
137	101722	5	Nguyễn Ngọc Vân Khanh	01	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.25	9	9.0	Giỏi
138	101723	5	Trần Hà Khanh	17	08	2000	Khánh Hòa	Long Trường	Chăn nuôi	7.5	9	8.5	Khá
139	101724	5	Trần Ngọc Vân Khanh	17	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.75	9	8.5	Khá
140	101725	5	Cao Văn Khánh	12	04	2000	Hậu Giang	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	10	9.0	Giỏi
141	101726	6	Nguyễn Quốc Khánh	02	09	2000	Trà Vinh	Long Trường	Chăn nuôi	7.75	8.5	8.5	Khá
142	101727	6	Nguyễn Văn Khánh	19	12	1999	Đồng Nai	Long Trường	Chăn nuôi	v	v		
143	101728	6	Trần Hoàng Khánh	12	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	v	v		
144	101729	6	Phan Nguyên Khiêm	21	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7	8.5	8.0	Khá
145	101730	6	Đào Đăng Khoa	06	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.25	9.5	8.5	Khá
146	101731	6	Huỳnh Trần Anh Khoa	17	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6	10	9.0	Giỏi
147	101732	6	Nguyễn Phạm Minh Khoa	09	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.5	9.5	9.0	Giỏi
148	101733	6	Phạm Nguyễn Anh Khoa	14	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.5	9.5	9.0	Giỏi
149	101734	6	Hoàng Trung Kiên	25	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.25	10	9.0	Giỏi
150	101735	6	Hồ Trung Kiên	27	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	5.25	10	9.0	Giỏi
151	101736	6	Vũ Trung Kiên	29	11	2000	Hà Nam	Long Trường	Chăn nuôi	6	9.5	8.5	Khá
152	101737	6	Lê Đình Tuấn Kiệt	10	01	1999	Bình Phước	Phước Long	Chăn nuôi	6.75	7	7.0	Khá
153	101738	6	Phạm Phương Kiều	02	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8.25	10	9.5	Giỏi
154	101739	6	Phạm Thị Kim Kiều	17	11	2000	Tây Ninh	Long Trường	Chăn nuôi	6	10	9.0	Giỏi
155	101740	6	Nguyễn Thị Phương Lam	20	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5	8	7.5	Khá
156	101741	6	Bùi Ngọc Lan	25	07	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.75	9.5	8.5	Khá
157	101742	6	Đỗ Thị Mai Lan	26	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.75	10	9.5	Giỏi
158	101743	6	Lý Thị Tuyết Lan	11	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.5	9.5	9.0	Giỏi
159	101744	6	Đặng Tùng Lâm	28	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8.25	9.5	9.0	Giỏi
160	101745	6	Hoàng Lâm	23	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.75	7	7.0	Khá
161	101746	6	Trương Tùng Lâm	11	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8.5	9	9.0	Giỏi
162	101747	6	Lê Trung Lễ	12	06	2000	Cà Mau	Phước Long	Chăn nuôi	6.25	8	7.5	Khá
163	101748	6	Nguyễn Ngọc Quang Liêm	30	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.75	9.5	9.0	Giỏi
164	101749	6	Doãn Nguyễn Quỳnh Liên	26	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.75	9	8.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
165	101750	6	Phạm Thị Thúy Liễu	03	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.75	9	8.0	Tbình
166	101751	6	Đoàn Thị Linh	20	03	2000	Ninh Bình	Long Trường	Chăn nuôi	8.25	10	9.5	Giỏi
167	101752	6	Huỳnh Thị Cẩm Linh	04	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.25	9	8.5	Khá
168	101753	6	Huỳnh Trúc Linh	10	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8	10	9.5	Giỏi
169	101754	7	Lê Ngọc Linh	29	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.25	10	9.5	Giỏi
170	101755	7	Nguyễn Thuỳ Linh	02	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.25	10	9.5	Giỏi
171	101756	7	Hà Thị Thanh Loan	16	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.5	10	9.5	Giỏi
172	101757	7	Nguyễn Thúy Loan	16	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8	10	9.5	Giỏi
173	101758	7	Hoàng Phi Long	02	11	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	9	8.5	Khá
174	101759	7	Hứa Thành Long	30	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7	10	9.5	Giỏi
175	101760	7	Kiên Ngọc Long	26	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.25	9	8.5	Khá
176	101761	7	Lê Hoàng Long	16	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6	8	7.5	Khá
177	101762	7	Lê Nguyễn Phi Long	17	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.75	9	8.0	Khá
178	101763	7	Lê Phạm Nhật Long	01	03	2000	Đồng Tháp	Long Trường	Chăn nuôi	v	v		
179	101764	7	Nguyễn Hoàng Long	04	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.75	10	9.5	Giỏi
180	101765	7	Nguyễn Hồng Long	09	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6	10	9.0	Giỏi
181	101766	7	Nguyễn Hồng Hoàng Long	25	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7	8	8.0	Khá
182	101767	7	Nguyễn Tấn Long	13	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.75	10	9.0	Giỏi
183	101768	7	Phan Thanh Long	12	05	2000	Đắk Lắk	Long Trường	Chăn nuôi	8.25	9.5	9.0	Giỏi
184	101769	7	Trần Hoàng Long	12	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.25	8.5	8.0	Khá
185	101770	7	Trịnh Hồ Thanh Long	26	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	5.5	9	8.0	Khá
186	101771	7	Văn Hoàng Long	24	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7	10	9.5	Giỏi
187	101772	7	Nguyễn Bá Lộc	19	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.5	10	9.0	Giỏi
188	101773	7	Nguyễn Phúc Lộc	10	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.25	8	7.5	Khá
189	101774	7	Phạm Ngọc Tấn Thành Lộc	22	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.25	10	9.5	Giỏi
190	101775	7	Nguyễn Thành Lợi	06	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.5	10	8.5	Tbình
191	101776	7	Nguyễn Thành Lợi	17	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.25	9	8.5	Khá
192	101777	7	Phan Nhựt Thắng Lợi	21	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.75	10	9.0	Giỏi
193	101778	7	La Hữu Luân	10	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	5.75	9	8.0	Khá
194	101779	7	Trương Hoàng Luân	03	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8	8	8.0	Khá
195	101780	7	Nguyễn Thị Trúc Ly	12	05	2000	Bạc Liêu	Long Trường	Chăn nuôi	7.75	10	9.5	Giỏi
196	101781	7	Nguyễn Đoàn Ngọc Mai	07	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7	8.5	8.0	Khá
197	101782	8	Nguyễn Thanh Mai	16	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8.5	9.5	9.5	Giỏi
198	101783	8	Vũ Thị Tuyết Mai	14	05	2000	Đắk Lắk	Long Trường	Chăn nuôi	8.25	9.5	9.0	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
199	101784	8	Lương Đức Mạnh		12	05	2000	Hải Dương	Phước Long	Chăn nuôi	6.5	9.5	9.0	Giỏi
200	101785	8	Bùi Tuấn Minh		01	06	2000	Thái Bình	Phước Long	Chăn nuôi	6.5	9.5	9.0	Giỏi
201	101786	8	Lê Hồ Quang Minh		14	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	9.5	9	9.0	Giỏi
202	101787	8	Lê Vũ Minh		08	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	5	10	9.0	Giỏi
203	101788	8	Nguyễn Hữu Minh		09	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7	9.5	9.0	Giỏi
204	101789	8	Nguyễn Văn Nhật Minh		11	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.25	10	9.5	Giỏi
205	101790	8	Trần Văn Minh		21	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	3	9	7.5	Tbình
206	101791	8	Vương Bảo Minh		19	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.75	10	9.5	Giỏi
207	101792	8	Đào Đại Trà My		03	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.5	9.5	9.0	Giỏi
208	101793	8	Huỳnh Thụy Thảo My		11	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6	9	8.5	Khá
209	101794	8	Lê Hoàng My		19	01	2000	Đồng Nai	Phước Long	Chăn nuôi	8.25	10	9.5	Giỏi
210	101795	8	Nguyễn Hoài My		11	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.75	9.5	8.5	Khá
211	101796	8	Trần Thị Bé My		30	01	2000	Sóc Trăng	Long Trường	Chăn nuôi	5.5	9.5	8.5	Khá
212	101797	8	Hồ Ngọc Mỹ		23	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.5	9	8.5	Khá
213	101798	8	Hoàng Minh Nam		29	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.75	9.5	8.5	Khá
214	101799	8	Lê Nhựt Nam		04	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.25	8.5	7.5	Tbình
215	101800	8	Lê Phước Nam		02	05	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.5	8	7.0	Tbình
216	101801	8	Nguyễn Phương Nam		29	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6	10	9.0	Giỏi
217	101802	8	Nguyễn Phương Nam		01	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.75	8	8.0	Khá
218	101803	8	Phạm Hoàng Nam		15	04	2000	Hà Tây	Phước Long	Chăn nuôi	4.5	9.5	8.5	Tbình
219	101804	8	Đặng Thị Bích Nga		22	09	2000	Quảng Nam	Long Trường	Chăn nuôi	7.75	9	8.5	Khá
220	101805	8	Võ Thị Tuyết Nga		28	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.5	9	8.0	Tbình
221	101806	8	Nguyễn Ngọc Kim Ngân		19	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.75	9	8.5	Khá
222	101807	8	Trần Ngọc Bảo Ngân		04	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5	9	8.0	Khá
223	101808	8	Võ Thanh Trúc Ngân		31	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.5	8.5	8.0	Khá
224	101809	8	Lê Trần Uyên Nghi		15	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4	9	8.0	Tbình
225	101810	9	Lê Hoài Nghĩa		17	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.5	10	9.5	Giỏi
226	101811	9	Trần Hữu Nghĩa		18	06	2000	Lâm Đồng	Long Trường	Chăn nuôi	7.5	8.5	8.5	Khá
227	101812	9	Lê Hồng Ngọc		30	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.75	9	8.5	Khá
228	101813	9	Nguyễn Thanh Ngọc		12	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.25	9.5	9.0	Giỏi
229	101814	9	Nguyễn Thị Bích Ngọc		10	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.75	10	9.0	Giỏi
230	101815	9	Nguyễn Thị Kim Ngọc		06	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.75	9	9.0	Giỏi
231	101816	9	Phan Thanh Ngọc		19	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	10	9.0	Giỏi
232	101817	9	Phạm Văn Ngôn		19	11	2000	Hà Nam	Long Trường	Chăn nuôi	4	10	8.5	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
233	101818	9	Đỗ Thị Thảo	Nguyễn	04	09	1999	Cần Thơ	Long Trường	Chăn nuôi	6	10	9.0	Giỏi
234	101819	9	Huỳnh Thanh	Nguyễn	22	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.5	8.5	8.0	Khá
235	101820	9	Lê Khánh	Nguyễn	06	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7	9	8.5	Khá
236	101821	9	Nguyễn Phạm Hồng	Nguyễn	23	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.25	8.5	8.0	Khá
237	101822	9	Nguyễn Thái Tường	Nguyễn	18	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	9	9.5	9.5	Giỏi
238	101823	9	Nguyễn Thanh	Nguyễn	13	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	9	10	10.0	Giỏi
239	101824	9	Nguyễn Thuý	Nguyễn	04	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.5	8.5	8.5	Khá
240	101825	9	Nguyễn Võ Khôi	Nguyễn	29	10	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	v	v		
241	101826	9	Tổng Nguyễn Thảo	Nguyễn	25	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.25	10	9.5	Giỏi
242	101827	9	Nguyễn Cao Tuấn	Nhã	14	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.25	7.5	7.0	Khá
243	101828	9	Đỗ Phạm Thanh	Nhàn	21	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.75	8	8.0	Khá
244	101829	9	Nguyễn Phan Thành	Nhân	06	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	5.5	9.5	8.5	Khá
245	101830	9	Võ Thành	Nhân	29	05	2000	Trà Vinh	Long Trường	Chăn nuôi	6.5	10	9.0	Giỏi
246	101831	9	Nguyễn Duy	Nhật	09	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	5.75	10	9.0	Giỏi
247	101832	9	Nguyễn Minh	Nhật	20	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	v	v		
248	101833	9	Vũ Nguyễn Đình	Nhật	05	01	2000	Bình Thuận	Long Trường	Chăn nuôi	7.25	9	8.5	Khá
249	101834	9	Đặng Ngọc Xuân	Nhi	19	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.5	10	9.5	Giỏi
250	101835	9	Đinh Hồ Yên	Nhi	28	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.5	8.5	8.5	Khá
251	101836	9	Đoàn Thị Yên	Nhi	10	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.75	9	8.0	Tbình
252	101837	9	Giáp Võ Y	Nhi	18	01	2000	Thừa Thiên - Huế	Phước Long	Chăn nuôi	6.5	9	8.5	Khá
253	101838	10	Hoàng Nguyễn Yên	Nhi	05	04	2000	Hà Tĩnh	Phước Long	Chăn nuôi	8	10	9.5	Giỏi
254	101839	10	Hồ Lê Yên	Nhi	03	02	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.25	10	9.0	Giỏi
255	101840	10	Lê Thị Yên	Nhi	03	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7	9	8.5	Khá
256	101841	10	Lê Thị Yên	Nhi	18	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.25	10	9.0	Giỏi
257	101842	10	Nguyễn Thái Tuyết	Nhi	11	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8.25	10	9.5	Giỏi
258	101843	10	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	20	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.25	9.5	8.5	Khá
259	101844	10	Nguyễn Thị Yên	Nhi	03	04	2000	An Giang	Long Trường	Chăn nuôi	7.75	9	8.5	Khá
260	101845	10	Trần Ngọc Yên	Nhi	17	05	1999	Vĩnh Long	Long Trường	Chăn nuôi	4.25	9.5	8.0	Tbình
261	101846	10	Trần Thị Ngọc	Nhi	23	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.25	9	8.5	Khá
262	101847	10	Võ Ngọc Yên	Nhi	04	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.5	10	9.5	Giỏi
263	101848	10	Võ Thụy Xuân	Nhi	16	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6	10	9.0	Giỏi
264	101849	10	Phạm Thị Kim	Nhung	22	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.25	10	9.0	Giỏi
265	101850	10	Bùi Thị Quỳnh	Như	23	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8	10	9.5	Giỏi
266	101851	10	Khổng Thanh	Nhựt	04	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.25	9.5	8.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
267	101852	10	Bùi Huỳnh Hoàng	Oanh	09	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.5	9.5	9.0	Giỏi
268	101853	10	Hùynh Thị	Oanh	02	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.75	9	8.0	Tbình
269	101854	10	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	30	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8.5	10	9.5	Giỏi
270	101855	10	Lê Văn Minh	Pha	26	03	1999	Đồng Tháp	Long Trường	Chăn nuôi	5.75	9	8.0	Khá
271	101856	10	Đỗ Tuấn	Phát	22	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8.25	10	9.5	Giỏi
272	101857	10	Hồng Tấn	Phát	19	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.25	10	9.0	Giỏi
273	101858	10	Nguyễn Anh	Phát	24	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8	10	9.5	Giỏi
274	101859	10	Nguyễn Đăng Tấn	Phát	14	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.75	9	8.5	Khá
275	101860	10	Phạm Tấn	Phát	11	06	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.25	9	8.5	Khá
276	101861	10	Nguyễn Hoàng	Phi	22	07	2000	Cà Mau	Phước Long	Chăn nuôi	5	8	7.5	Khá
277	101862	10	Nguyễn Hùng	Phong	11	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.25	9	8.5	Khá
278	101863	10	Nguyễn Thanh	Phong	24	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.75	9	8.0	Khá
279	101864	10	Phạm Huy	Phong	09	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6	10	9.0	Giỏi
280	101865	10	Lê Thiên	Phú	27	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	5.5	8	7.5	Khá
281	101866	11	Lương Hồng	Phú	26	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.25	9	8.0	Khá
282	101867	11	Phan Nguyễn Hoàng	Phú	09	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7	8	8.0	Khá
283	101868	11	Trần Vinh	Phú	24	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.75	9	8.0	Tbình
284	101869	11	Dương Hoàng	Phúc	16	11	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.5	9.5	9.0	Giỏi
285	101870	11	Đỗ Mai Thanh	Phúc	04	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.75	9.5	8.5	Tbình
286	101871	11	Nguyễn Hoàng	Phúc	30	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	9.5	9.0	Giỏi
287	101872	11	Nguyễn Tấn	Phúc	03	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8	9.5	9.0	Giỏi
288	101873	11	Nguyễn Thiên	Phúc	27	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6	10	9.0	Giỏi
289	101874	11	Lê Thị Ngọc	Phụng	14	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7	10	9.5	Giỏi
290	101875	11	Võ Thanh	Phụng	06	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	9	8.5	Khá
291	101876	11	Đoàn Văn	Phương	24	01	1999	Bình Thuận	Long Trường	Chăn nuôi	7.5	9	8.5	Khá
292	101877	11	Hoàng Như	Phương	25	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.25	9.5	9.0	Giỏi
293	101878	11	Lê Ngọc Trúc	Phương	01	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5	9	8.0	Khá
294	101879	11	Nguyễn Lê Anh	Phương	03	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.75	10	9.5	Giỏi
295	101880	11	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	15	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	8.5	8.0	Khá
296	101881	11	Nguyễn Duy	Quang	25	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.5	10	9.0	Giỏi
297	101882	11	Nguyễn Minh	Quang	15	08	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.5	8.5	8.5	Khá
298	101883	11	Phan Nguyễn Hồng	Quang	05	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.75	10	9.5	Giỏi
299	101884	11	Khổng Lưu Minh	Quân	31	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.25	8.5	7.5	Tbình
300	101885	11	Nguyễn Trúc	Quân	09	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.25	8.5	8.0	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
301	101886	11	Đinh Đông	Quốc	14	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.25	10	9.5	Giỏi
302	101887	11	Hồ Phúc Hải	Quốc	29	11	2000	Lâm Đồng	Long Trường	Chăn nuôi	3.5	8	7.0	Tbình
303	101888	11	Nguyễn Thị Thanh	Quyên	08	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	3.25	10	8.5	Tbình
304	101889	11	Lê Thị Kim	Quyên	31	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.25	9	8.5	Khá
305	101890	11	Trần Thị Mỹ	Quyên	05	01	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7	8	8.0	Khá
306	101891	11	Cổ Ngọc Phương	Quỳnh	01	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.75	10	9.0	Giỏi
307	101892	11	Dương Thị Như	Quỳnh	02	09	2000	Quảng Ngãi	Phước Long	Chăn nuôi	6.75	10	9.0	Giỏi
308	101893	11	Nguyễn Ngân	Quỳnh	12	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.5	9.5	9.0	Giỏi
309	101894	12	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	11	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.5	9	8.0	Khá
310	101895	12	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	27	01	2000	Đồng Nai	Long Trường	Chăn nuôi	8	9	9.0	Giỏi
311	101896	12	Nguyễn Trúc	Quỳnh	11	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.5	10	9.0	Giỏi
312	101897	12	Nguyễn Thị Thuý	Sang	19	10	1998	Cần Thơ	Long Trường	Chăn nuôi	5.5	9	8.0	Khá
313	101898	12	Trần Quốc	Sang	24	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6	7	7.0	Khá
314	101899	12	Trương Phú	Sang	23	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.75	10	9.0	Giỏi
315	101900	12	Võ Kim	Sang	01	07	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	3.5	v		
316	101901	12	Nguyễn Hoàng	Son	15	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.5	10	9.0	Giỏi
317	101902	12	Nguyễn Ngọc	Son	31	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.5	9.5	9.5	Giỏi
318	101903	12	Nguyễn Thái	Son	05	11	2000	Đồng Nai	Phước Long	Chăn nuôi	8.75	8	8.0	Khá
319	101904	12	Trần Tuấn	Son	07	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.5	8.5	8.5	Khá
320	101905	12	Huỳnh Nguyễn Như	Sương	05	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.25	10	9.0	Giỏi
321	101906	12	Nguyễn Thị Ngọc	Sương	08	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.25	9.5	9.0	Giỏi
322	101907	12	Nguyễn Tấn	Tài	15	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.75	8.5	7.5	Tbình
323	101908	12	Đào Nguyễn Minh	Tâm	26	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	9	10	10.0	Giỏi
324	101909	12	Ngô Thị Hồng	Tâm	08	02	2000	Bình Phước	Long Trường	Chăn nuôi	6	9.5	8.5	Khá
325	101910	12	Nguyễn Minh	Tâm	26	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.5	9.5	9.0	Giỏi
326	101911	12	Phan Đặng Ngọc	Tâm	03	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	9.5	9.0	Giỏi
327	101912	12	Trần Minh	Tâm	09	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.25	9.5	8.5	Khá
328	101913	12	Võ Chí	Tâm	18	08	2000	Cà Mau	Long Trường	Chăn nuôi	4	8	7.0	Tbình
329	101914	12	Lâm Đặng Duy	Tân	11	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	4.75	10	8.5	Tbình
330	101915	12	Lý Minh	Tân	21	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.25	10	9.0	Giỏi
331	101916	12	Nguyễn Khoa	Tân	18	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	5	9.5	8.5	Khá
332	101917	12	Nguyễn Trần Chí	Tân	11	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.25	10	9.5	Giỏi
333	101918	12	Phạm Thanh	Tân	07	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	9.5	9.0	Giỏi
334	101919	12	Võ Thành	Tây	27	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.5	10	9.5	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
335	101920	12	Huỳnh Thanh Thái	04	03	2000	An Giang	Phước Long	Chăn nuôi	8.75	10	9.5	Giỏi
336	101921	12	Trương Hoàng Thái	21	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6	10	9.0	Giỏi
337	101922	13	Bùi Văn Thanh	02	09	1998	Hải Dương	Long Trường	Chăn nuôi	5.5	10	9.0	Giỏi
338	101923	13	Lê Thụy Kiều Thanh	04	05	2000	Vĩnh Long	Long Trường	Chăn nuôi	8	10	9.5	Giỏi
339	101924	13	Nguyễn Phạm Phương Thanh	26	01	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.75	8.5	8.0	Khá
340	101925	13	Nguyễn Thị Phương Thanh	17	07	1999	Đồng Nai	Long Trường	Chăn nuôi	6.5	10	9.0	Giỏi
341	101926	13	Trần Lê Thanh	15	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	5.5	10	9.0	Giỏi
342	101927	13	Nguyễn Quốc Thành	21	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6	8.5	8.0	Khá
343	101928	13	Nguyễn Tấn Thành	22	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8	10	9.5	Giỏi
344	101929	13	Nguyễn Tiên Thành	01	11	1999	Sơn La	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	10	9.0	Giỏi
345	101930	13	Trần Tuấn Thành	01	01	2000	Nam Định	Long Trường	Chăn nuôi	6	9	8.5	Khá
346	101931	13	Võ Lê Đông Thanh	24	04	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.5	10	9.0	Giỏi
347	101932	13	Lê Phương Thảo	16	10	1999	Thanh Hóa	Long Trường	Chăn nuôi	6.5	9	8.5	Khá
348	101933	13	Phạm Thanh Thảo	14	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.5	9	8.5	Khá
349	101934	13	Phạm Thị Phương Thảo	02	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.5	10	9.0	Giỏi
350	101935	13	Võ Bích Thảo	02	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6	9	8.5	Khá
351	101936	13	Trần Quốc Thắng	28	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.5	10	9.0	Giỏi
352	101937	13	Nguyễn Bùi Xuân Thi	05	01	2000	Bình Phước	Long Trường	Chăn nuôi	6	8.5	8.0	Khá
353	101938	13	Nguyễn Ngọc Mai Thi	19	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.25	10	9.0	Giỏi
354	101939	13	Nguyễn Thị Thanh Thi	13	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.5	10	9.5	Giỏi
355	101940	13	Trịnh Hoàng Thiên	15	03	2000	Hậu Giang	Long Trường	Chăn nuôi	7	9	8.5	Khá
356	101941	13	Lê Thất Thìn	06	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.75	9.5	9.0	Giỏi
357	101942	13	Lê Vũ Việt Thịnh	25	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8	10	9.5	Giỏi
358	101943	13	Nguyễn Đức Thịnh	18	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6	9.5	8.5	Khá
359	101944	13	Nguyễn Minh Thịnh	25	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.5	10	9.0	Giỏi
360	101945	13	Nguyễn Nho Hưng Thịnh	25	09	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.75	9.5	9.0	Giỏi
361	101946	13	Nguyễn Hữu Thọ	04	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8	10	9.5	Giỏi
362	101947	13	Nguyễn Anh Thoại	04	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.25	10	9.5	Giỏi
363	101948	13	Đào Duy Thông	12	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	10	9.0	Giỏi
364	101949	13	Nguyễn Hoàng Thi Thơ	08	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.75	10	9.5	Giỏi
365	101950	14	Nguyễn Ngọc Bích Thùy	05	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.5	9	8.5	Khá
366	101951	14	Nguyễn Thị Thanh Thủy	07	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	9	9	9.0	Giỏi
367	101952	14	Lâm Thị Anh Thư	25	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.25	9.5	9.0	Giỏi
368	101953	14	Nguyễn Thanh Thư	15	05	2000	Đồng Tháp	Long Trường	Chăn nuôi	7.75	9.5	9.0	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
369	101954	14	Nguyễn Trần Anh	Thư	18	04	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.5	9	8.5	Khá
370	101955	14	Nguyễn Vũ Minh	Thư	13	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.5	10	9.5	Giỏi
371	101956	14	Lê Hoàng	Thức	23	09	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.25	10	9.0	Giỏi
372	101957	14	Lê Thị Ngọc	Thương	21	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.5	8	8.0	Khá
373	101958	14	Mai Thị Anh	Thương	16	08	2000	Nghệ An	Long Trường	Chăn nuôi	4.5	9.5	8.5	Tbình
374	101959	14	Nguyễn Bảo	Thy	05	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	9	9	9.0	Giỏi
375	101960	14	Nguyễn Ngọc Lan	Thy	01	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.75	10	9.5	Giỏi
376	101961	14	Huỳnh Thị Anh	Tiên	04	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.5	8.5	7.5	Tbình
377	101962	14	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Tiên	26	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.5	9.5	9.0	Giỏi
378	101963	14	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	06	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.5	9.5	9.0	Giỏi
379	101964	14	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	29	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.5	10	9.5	Giỏi
380	101965	14	Phạm Thị Cẩm	Tiên	01	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7	9	8.5	Khá
381	101966	14	Phạm Thị Trúc	Tiên	12	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	5.5	6.0	Tbình
382	101967	14	Trần Thanh Thủy	Tiên	04	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.25	8.5	7.5	Khá
383	101968	14	Trần Thủy	Tiên	09	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.75	9.5	9.5	Giỏi
384	101969	14	Viên Ngọc Cẩm	Tiên	01	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	9.5	9.0	Giỏi
385	101970	14	Võ Phạm Hoàng	Tiến	28	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	7.5	7.5	Khá
386	101971	14	Trần Trung	Tín	08	07	2000	Đắk Nông	Long Trường	Chăn nuôi	6.5	9	8.5	Khá
387	101972	14	Võ Trung	Tín	29	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.25	7	6.5	Tbình
388	101973	14	Lưu Thanh	Toàn	05	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.25	8.5	8.0	Khá
389	101974	14	Trần Đức	Toàn	23	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.75	7.5	7.0	Khá
390	101975	14	Vũ Văn	Toàn	18	03	2000	Nam Định	Long Trường	Chăn nuôi	3.75	9	7.5	Tbình
391	101976	14	Cao Thái	Toàn	25	10	2000	Thanh Hóa	Long Trường	Chăn nuôi	9	9	9.0	Giỏi
392	101977	14	Đỗ Huỳnh Thùy	Trang	29	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7	10	9.5	Giỏi
393	101978	15	Nguyễn Ngọc Mỹ Thiên	Trang	12	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.25	9	8.5	Khá
394	101979	15	Nguyễn Phương	Trang	11	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	5.75	9	8.0	Khá
395	101980	15	Trần Thị Thảo	Trang	24	10	2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	10	9.0	Giỏi
396	101981	15	Trương Thị Huyền	Trang	15	02	2000	Bắc Ninh	Phước Long	Chăn nuôi	8.5	9	9.0	Giỏi
397	101982	15	Hồ Ngọc Phương	Trâm	03	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	10	9.0	Giỏi
398	101983	15	Nguyễn Thị Bích	Trâm	20	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.25	10	9.5	Giỏi
399	101984	15	Nguyễn Võ Thanh	Trâm	07	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.75	10	9.5	Giỏi
400	101985	15	Thuyền Bích	Trâm	17	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8.75	9	9.0	Giỏi
401	101986	15	Tinh Phạm Ngọc	Trâm	04	11	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.75	9	8.0	Khá
402	101987	15	Trần Thị Thảo	Trâm	23	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8.25	8.5	8.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
403	101988	15	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	13	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.75	9	8.5	Khá
404	101989	15	Nguyễn Ngọc Bích Trân	19	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.5	9	9.0	Giỏi
405	101990	15	Nguyễn Thị Hoài Trân	29	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.75	9.5	9.0	Giỏi
406	101991	15	Trần Hoài Bảo Trân	27	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.75	10	9.5	Giỏi
407	101992	15	Ngô Minh Trí	09	12	2000	Đồng Tháp	Long Trường	Chăn nuôi	6.5	10	9.0	Giỏi
408	101993	15	Cao Minh Triết	18	12	2000	An Giang	Long Trường	Chăn nuôi	8.5	10	9.5	Giỏi
409	101994	15	Nguyễn Minh Hải Triều	06	07	2000	Thanh Hóa	Long Trường	Chăn nuôi	6.5	10	9.0	Giỏi
410	101995	15	Huỳnh Thị Việt Trinh	28	08	1998	Sóc Trăng	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	9	8.5	Khá
411	101996	15	Lê Thị Phương Trinh	01	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.25	10	9.5	Giỏi
412	101997	15	Nguyễn Hồng Đăng Trinh	11	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.25	9.5	8.5	Khá
413	101998	15	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	08	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	9	8.5	Khá
414	101999	15	Vương Thị Mỹ Trinh	03	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	9	8.5	Khá
415	102000	15	Bùi Văn Trọng	21	02	2000	Thanh Hóa	Long Trường	Chăn nuôi	5.25	10	9.0	Giỏi
416	102001	15	Đoàn Thị Thanh Trúc	13	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.5	9	8.0	Tbình
417	102002	15	Phan Thị Thanh Trúc	07	08	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.75	9	8.5	Khá
418	102003	15	Trần Thị Thanh Trúc	25	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.25	9	8.5	Khá
419	102004	15	Nguyễn Tấn Trung	22	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.5	8.5	7.5	Tbình
420	102005	15	Lâm Nhật Trường	16	06	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	v	v		
421	102006	16	Nguyễn Văn Trường	25	11	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.75	9.5	9.0	Giỏi
422	102007	16	Nguyễn Xuân Trường	18	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	2.5	v		
423	102008	16	Lê Hải Anh Tú	10	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.25	9.5	9.0	Giỏi
424	102009	16	Nguyễn Hoàng Tú	10	10	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.75	7.5	7.0	Tbình
425	102010	16	Nguyễn Hoàng Tú	15	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.5	9.5	9.0	Giỏi
426	102011	16	Nguyễn Minh Tú	11	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.5	9	8.5	Khá
427	102012	16	Nguyễn Thanh Tú	03	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.5	9.5	8.5	Khá
428	102013	16	Nguyễn Tuấn Tú	05	09	2000	Hà Nam	Long Trường	Chăn nuôi	7	9	8.5	Khá
429	102014	16	Nguyễn Lê Anh Tuấn	24	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.25	10	9.0	Giỏi
430	102015	16	Nguyễn Thanh Tuấn	08	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5	9.5	8.5	Khá
431	102016	16	Phạm Lưu Thanh Tuấn	18	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.5	10	9.0	Giỏi
432	102017	16	Hồ Đức Minh Tuệ	06	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6	9.5	8.5	Khá
433	102018	16	Nguyễn Thanh Tùng	09	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.25	9.5	8.5	Khá
434	102019	16	Mã Thuận Tuyên	02	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6	9	8.5	Khá
435	102020	16	Mai Thị Thanh Tuyên	20	01	2000	Đắk Lắk	Phước Long	Chăn nuôi	8	10	9.5	Giỏi
436	102021	16	Nguyễn Hồng Minh Tuyên	16	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6	9	8.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
437	102022	16	Nguyễn Ngọc Tuyền	30	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5.5	8.5	8.0	Khá
438	102023	16	Nguyễn Thanh Tuyền	12	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.5	9.5	9.0	Giỏi
439	102024	16	Nguyễn Thị Kim Tuyền	14	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8	9.5	9.0	Giỏi
440	102025	16	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	18	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.75	9.5	9.0	Giỏi
441	102026	16	Hàng Kiều Uyên	18	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	5.75	10	9.0	Giỏi
442	102027	16	Lương Thúy Uyên	04	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8	9.5	9.0	Giỏi
443	102028	16	Ngô Thị Thảo Uyên	17	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	9.25	10	10.0	Giỏi
444	102029	16	Võ Thị Nhật Uyên	22	12	2000	Quảng Ngãi	Long Trường	Chăn nuôi	7.75	8.5	8.5	Khá
445	102030	16	Nguyễn Đỗ Tường Van	24	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	9	10	10.0	Giỏi
446	102031	16	Hồ Thị Thu Vân	14	09	2000	Bình Dương	Phước Long	Chăn nuôi	8.5	10	9.5	Giỏi
447	102032	16	Nguyễn Thị Thanh Vân	03	10	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.75	8.5	8.5	Khá
448	102033	16	Nguyễn Vũ Cẩm Vân	15	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8	8.5	8.5	Khá
449	102034	17	Phạm Huỳnh Kim Vân	06	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4.5	9	8.0	Tbình
450	102035	17	Nguyễn Thị Ý Vi	03	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.75	9	8.5	Khá
451	102036	17	Trần Thị Bảo Vi	01	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8	10	9.5	Giỏi
452	102037	17	Chiu Chấn Vĩ	25	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	6.5	9	8.5	Khá
453	102038	17	Nguyễn Xuân Viên	05	02	2000	Hà Nam	Long Trường	Chăn nuôi	3.75	9	7.5	Tbình
454	102039	17	Nguyễn Quý Anh Việt	13	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5	9	8.0	Khá
455	102040	17	Phạm Văn Việt	01	10	2000	Thanh Hóa	Long Trường	Chăn nuôi	7.25	9	8.5	Khá
456	102041	17	Lê Quốc Vinh	10	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	v	v		
457	102042	17	Nguyễn Đức Quang Vinh	29	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7	10	9.5	Giỏi
458	102043	17	Hoàng Long Vũ	04	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.25	10	9.5	Giỏi
459	102044	17	Lê Anh Vũ	31	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	7.5	9	8.5	Khá
460	102045	17	Nguyễn Hoàng Anh Vũ	09	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8.25	9.5	9.0	Giỏi
461	102046	17	Nguyễn Lê Hoàng Vũ	27	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.25	10	9.5	Giỏi
462	102047	17	Tăng Quang Vũ	13	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	5	9.5	8.5	Khá
463	102048	17	Cao Thị Thảo Vy	20	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8	9.5	9.0	Giỏi
464	102049	17	Lê Thảo Vy	02	04	2000	Khánh Hòa	Phước Long	Chăn nuôi	5.5	10	9.0	Giỏi
465	102050	17	Lương Triệu Vy	21	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.75	9.5	9.5	Giỏi
466	102051	17	Nguyễn Lê Ái Vy	19	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.75	10	9.5	Giỏi
467	102052	17	Lê Thị Thanh Xuân	28	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8.25	9.5	9.0	Giỏi
468	102053	17	Trương Võ Thu Xuân	24	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8.5	9.5	9.5	Giỏi
469	102054	17	Đặng Thị Như Y	08	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	8.75	10	9.5	Giỏi
470	102055	17	Nguyễn Vũ Như Ý	05	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Phước Long	Chăn nuôi	6.5	9.5	9.0	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
471	102056	17	Đoàn Lê Thanh Hồng Yên	02	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	8.75	10	9.5	Giỏi
472	102057	17	Huỳnh Thị Ngọc Yên	21	01	1998	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	4	0	1.0	Hổng
473	102058	17	Lữ Bội Yên	14	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Long Trường	Chăn nuôi	7.25	10	9.5	Giỏi
474	102059	17	Thạch Hải Yên	13	12	2000	Hà Nội	Phước Long	Chăn nuôi	8	9	9.0	Giỏi
475	832634	18	Cao Huỳnh Khả Ái	16	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.75	9	8.0	Khá
476	832635	18	Nguyễn Hữu An	27	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8.5	8.25	8.5	Khá
477	832636	18	Đoàn Minh Anh	04	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8	7.75	8.0	Khá
478	832637	18	Huỳnh Phúc Anh	20	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8.25	9.5	9.0	Giỏi
479	832638	18	Nguyễn Huỳnh Phương Anh	27	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7.75	9.25	9.0	Giỏi
480	832639	18	Nguyễn Ngọc Lan Anh	19	09	2000	An Giang	TT GDTX Quận 9	Tin học	v	v		
481	832640	18	Nguyễn Phương Anh	16	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	9	9.5	9.5	Giỏi
482	832641	18	Nguyễn Phương Ngọc Anh	19	10	2000	Đồng Nai	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.5	9	8.5	Khá
483	832642	18	Tạ Lan Anh	14	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6	9	8.5	Khá
484	832643	18	Nguyễn Thị Ánh	18	02	2000	Bắc Giang	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8.5	9.5	9.5	Giỏi
485	832644	18	Đặng Hoài Ân	05	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8	9.5	9.0	Giỏi
486	832645	18	Lại Chí Bảo	15	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.25	9.25	8.5	Khá
487	832646	18	Nguyễn Gia Bảo	31	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.25	9.5	8.5	Khá
488	832647	18	Nguyễn Thị Ngọc Bích	06	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	4.75	9.5	8.5	Tbình
489	832648	18	Nguyễn Như Bình	04	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.75	9.5	8.5	Khá
490	832649	18	Chung Bảo Châu	03	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	4	8.5	7.5	Tbình
491	832650	18	Nguyễn Đình Châu	10	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7.5	9.75	9.0	Giỏi
492	832651	18	Nguyễn Thị Ngọc Châu	04	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5	9.75	8.5	Khá
493	832652	18	Võ Lê Linh Chi	22	09	2000	Quảng Ngãi	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7.25	9	8.5	Khá
494	832653	18	Cao Văn Chiến	20	08	2000	Thanh Hóa	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	9.75	9.75	10.0	Giỏi
495	832654	18	Vũ Thị Việt Chinh	15	04	2000	Yên Bái	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.75	10	9.0	Giỏi
496	832655	18	Lê Thành Công	25	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.75	10	9.0	Giỏi
497	832656	18	Lã Mạnh Cương	20	08	2000	Nam Định	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.5	8.75	8.0	Khá
498	832657	18	Lại Chí Cường	15	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7.25	9	8.5	Khá
499	832658	18	Nguyễn Hoàng Danh	18	09	2000	Lâm Đồng	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7.25	9	8.5	Khá
500	832659	18	Nguyễn Hữu Danh	22	06	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5	9	8.0	Khá
501	832660	18	Trịnh Thị Huyền Diệu	23	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	v	v		
502	832661	18	Giang Lê Phương Du	16	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8.25	9	9.0	Giỏi
503	832662	19	Phùng Quang Dũng	22	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	4.5	9	8.0	Tbình
504	832663	19	Đỗ Trần Xuân Duy	03	10	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	4	8.5	7.5	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
505	832664	19	Trần Hoài Duy	26	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7.25	8.5	8.0	Khá
506	832665	19	Phạm Huỳnh Ngọc Duyên	01	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.25	9	8.5	Khá
507	832666	19	Trần Thị Thúy Duyên	30	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7	8	8.0	Khá
508	832667	19	Nguyễn Đơn Dương	13	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7.75	9	8.5	Khá
509	832668	19	Nguyễn Hải Dương	11	05	2000	Tây Ninh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.5	7	6.5	T bình
510	832669	19	Nguyễn Thị Thanh Đào	19	11	2000	Bình Định	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	4.5	v		
511	832670	19	Nguyễn Đăng Minh Đạt	02	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.75	10	9.0	Giỏi
512	832671	19	Nguyễn Lê Hữu Đạt	19	08	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.25	9	8.5	Khá
513	832672	19	Nguyễn Phước Đạt	20	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5	10	9.0	Giỏi
514	832673	19	Võ Thành Đạt	18	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	4.75	10	8.5	T bình
515	832674	19	Lê Đỗ Thanh Doan	27	06	2000	Đắk Lắk	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.75	8	7.5	Khá
516	832675	19	Nguyễn Văn Được	02	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.75	9	8.5	Khá
517	832676	19	Lê Thị Thu Hà	30	08	2000	Hậu Giang	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8.75	6.5	7.0	Khá
518	832677	19	Ngô Thị Ngọc Hà	09	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	4.5	7.5	7.0	T bình
519	832678	19	Đỗ Thị Thanh Hạ	18	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.75	7.5	7.5	Khá
520	832679	19	Bùi Thị Hồng Hạnh	06	03	2000	Đắk Lắk	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7.75	9.5	9.0	Giỏi
521	832680	19	Đào Thị Hạnh	18	07	2000	Thái Bình	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7	9.5	9.0	Giỏi
522	832681	19	Huỳnh Trần Hào	23	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	5.75	8.5	8.0	Khá
523	832682	19	Đoàn Thị Thanh Hào	20	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	9.5	10	10.0	Giỏi
524	832683	19	Nguyễn Thị Hoài Hân	24	11	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	v	v		
525	832684	19	Bùi Trung Hậu	08	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7	8	8.0	Khá
526	832685	19	Đặng Văn Hậu	29	07	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	v	v		
527	832686	19	Cao Hải Hiếu	28	03	1995	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	5	8.5	7.5	Khá
528	832687	19	Giang Thị Minh Hiếu	20	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.25	8.5	7.5	Khá
529	832688	19	Mai Ngọc Hiếu	25	07	2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8.25	8.5	8.5	Khá
530	832689	19	Mai Trọng Hiếu	06	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	4.5	8.5	7.5	T bình
531	832690	20	Lê Thị Hoa	18	07	2000	Hải Dương	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	4.5	9	8.0	T bình
532	832691	20	Văn Đắc Hòa	04	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7.75	9.25	9.0	Giỏi
533	832692	20	Ngô Thương Hoài	28	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7.5	9.25	9.0	Giỏi
534	832693	20	Nguyễn Minh Huân	09	03	1998	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.5	3	3.5	Hỏng
535	832694	20	Nguyễn Quý Hùng	07	12	1997	Hải Dương	TT GDTX Quận 9	Tin học	6	4	4.5	Hỏng
536	832695	20	Hồ Đình Huy	13	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	v	v		
537	832696	20	Vũ Quốc Anh Huy	18	12	2000	Lâm Đồng	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	9.25	7.75	8.0	Khá
538	832697	20	Nguyễn Ngọc Thanh Huyền	07	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	9	7	7.5	Khá

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
539	832698	20	Nguyễn Vũ Bích	Huyền	17	09	2000	Đồng Nai	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	9	8.75	9.0	Giỏi
540	832699	20	Huỳnh Cẩm	Hương	01	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8.75	9.25	9.0	Giỏi
541	832700	20	Huỳnh Song	Hương	14	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8	9.25	9.0	Giỏi
542	832701	20	Nguyễn Bá	Hương	18	12	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7.75	9.25	9.0	Giỏi
543	832702	20	Nguyễn Thị Thanh	Hương	11	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8.25	8.25	8.5	Khá
544	832703	20	Nguyễn Đông	Kha	25	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7	9.25	8.5	Khá
545	832704	20	Bùi Huỳnh Linh	Khang	31	10	1999	Phú Yên	TT GDTX Quận 9	Tin học	4.75	6.5	6.0	Tbình
546	832705	20	Thiều Trung	Kiên	05	04	2000	Đà Nẵng	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.25	6	6.0	Tbình
547	832706	20	Phạm Thị Kim	Liên	09	09	1996	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	6.75	0.5	2.0	Hổng
548	832707	20	Trần Thị	Liên	10	06	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.5	6.75	6.5	Tbình
549	832708	20	Nguyễn Ngọc Chúc	Linh	22	07	2000	Đồng Nai	TT GDTX Quận 9	Tin học	6	7.5	7.0	Khá
550	832709	20	Phạm Thị Trúc	Linh	12	04	2000	Bến Tre	TT GDTX Quận 9	Tin học	3.5	9.5	8.0	Tbình
551	832710	20	Trần Thị Ngọc	Linh	06	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8.75	9.75	9.5	Giỏi
552	832711	20	Phạm Trần Thành	Long	02	03	2000	Bến Tre	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8	8.75	8.5	Khá
553	832712	20	Tạ Thành	Long	27	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	9.25	8.5	8.5	Khá
554	832713	20	Trần Thanh	Long	28	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.25	8.75	8.0	Khá
555	832714	20	Hồ Văn	Lợi	10	10	2000	Quảng Ngãi	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5	8	7.5	Khá
556	832715	20	Cao Thanh	Luân	10	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.75	8	7.5	Khá
557	832716	20	Nguyễn Đỗ Phúc	Luân	26	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7.25	6	6.5	Tbình
558	832717	20	Trương Minh	Luân	11	03	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	4	6.25	5.5	Tbình
559	832718	21	Hồ Minh	Lượng	30	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	4.5	7	6.5	Tbình
560	832719	21	Đặng Nguyễn Trúc	Ly	25	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	4.25	7.5	6.5	Tbình
561	832720	21	Lê Lưu	Ly	20	01	2000	Thái Bình	TT GDTX Quận 9	Tin học	5.5	6	6.0	Tbình
562	832721	21	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	07	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7	9	8.5	Khá
563	832722	21	Đỗ Công	Minh	07	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7	9	8.5	Khá
564	832723	21	Võ Nguyễn Hoàng	Minh	08	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.25	9	8.5	Khá
565	832724	21	Nguyễn Hoàng	Nam	27	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	v	v		
566	832725	21	Lê Xuân	Nga	23	08	1998	Bà Rịa - Vũng Tàu	TT GDTX Quận 9	Tin học	v	v		
567	832726	21	Nguyễn Thị	Nga	02	08	1992	Sông Bé	TT GDTX Quận 9	Tin học	v	v		
568	832727	21	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	30	05	2000	Tiền Giang	TT GDTX Quận 9	Tin học	5	6	6.0	Tbình
569	832728	21	Trương Trọng	Nghĩa	23	03	2000	Hậu Giang	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.75	9	8.0	Khá
570	832729	21	Hoàng Yên	Ngọc	13	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.5	5.5	5.5	Tbình
571	832730	21	Nguyễn Như	Ngọc	30	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6	10	9.0	Giỏi
572	832731	21	Phạm Thị Bích	Ngọc	14	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8.5	9.5	9.5	Giỏi

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
					Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
573	832732	21	Lê Ngọc Xuân	Nguyệt	11	09	2000	Bình Thuận	TT GDTX Quận 9	Tin học	3.75	6.5	6.0	Tbình
574	832733	21	Lý Thị Minh	Nguyệt	05	03	2000	Đồng Nai	TT GDTX Quận 9	Tin học	v	v		
575	832734	21	Trịnh Lương	Nguyệt	28	11	2000	Cà Mau	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.5	9.5	8.5	Khá
576	832735	21	Lê Thanh	Nhàn	07	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.75	7	7.0	Khá
577	832736	21	Lâm Thiện	Nhân	22	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7.75	8	8.0	Khá
578	832737	21	Lê Trọng	Nhân	28	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.5	8	7.5	Khá
579	832738	21	Nguyễn Trung	Nhân	22	02	1997	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	v	v		
580	832739	21	Nguyễn Huỳnh Minh	Nhật	06	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6	8.5	8.0	Khá
581	832740	21	Nguyễn Thị Ý	Nhi	09	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.5	8.5	8.0	Khá
582	832741	21	Nguyễn Thị Yên	Nhi	08	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	4.25	8	7.0	Tbình
583	832742	21	Trà Thị Tuyết	Nhi	02	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.75	9	8.5	Khá
584	832743	21	Trần Tuyết	Nhi	28	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8	8.5	8.5	Khá
585	832744	21	Lê Thị Phương	Nhung	04	06	1998	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6	10	9.0	Giỏi
586	832745	21	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	17	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8.75	8	8.0	Khá
587	832746	22	Dương Thị Huỳnh	Như	30	07	2000	Bến Tre	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7	9.5	9.0	Giỏi
588	832747	22	Trương Huỳnh	Như	15	02	1999	Bạc Liêu	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8.5	9.5	9.5	Giỏi
589	832748	22	Nguyễn Giang Kiều	Oanh	18	03	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8.5	9.75	9.5	Giỏi
590	832749	22	Nguyễn Duy	Phát	25	03	2000	Bến Tre	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.75	9	8.5	Khá
591	832750	22	Nguyễn Hồng	Phát	22	07	2000	Đồng Nai	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7.5	8.75	8.5	Khá
592	832751	22	Trần Tân	Phát	06	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.5	8.5	8.0	Khá
593	832752	22	Nguyễn Minh	Phú	17	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	3.75	7.25	6.5	Tbình
594	832753	22	Lê Hoàng	Phúc	17	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	5	8.25	7.5	Khá
595	832754	22	Ngô Hoài	Phúc	18	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7.75	9.75	9.5	Giỏi
596	832755	22	Đoàn Văn	Phương	10	02	2000	Nam Định	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.75	10	9.0	Giỏi
597	832756	22	Phạm Ngọc	Phương	13	02	2000	An Giang	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7.75	8.25	8.0	Khá
598	832757	22	Trần Thị	Phương	02	08	2000	Tuyên Quang	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.25	9.5	8.5	Khá
599	832758	22	Bùi Đức	Quân	27	05	2000	Đồng Nai	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7	9.75	9.0	Giỏi
600	832759	22	Nguyễn Lê	Quân	26	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8.75	9.75	9.5	Giỏi
601	832760	22	Trần Hạnh	Quỳnh	12	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.25	9	8.5	Khá
602	832761	22	Dương Thanh	Son	18	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5	9.25	8.0	Khá
603	832762	22	Trương Ngọc	Son	05	08	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	4.75	8.25	7.5	Tbình
604	832763	22	Phan Thị Thu	Sương	11	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7.25	8.75	8.5	Khá
605	832764	22	Trần Thị Tuyết	Sương	26	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7.75	9.75	9.5	Giỏi
606	832765	22	Bùi Anh	Tài	15	05	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	v	v		

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
607	832766	22	Đinh Viêt Tài	18	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.5	9.5	8.5	Khá
608	832767	22	Nguyễn Minh Tài	07	12	1999	Phú Yên	TT GDTX Quận 9	Tin học	v	v		
609	832768	22	Nguyễn Thành Tài	22	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.75	9.75	9.0	Giỏi
610	832769	22	Nguyễn Hoàng Phương Tâm	05	07	1991	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	5.25	9.75	8.5	Khá
611	832770	22	Nguyễn Duy Tân	01	06	1999	Đồng Nai	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	4.5	5.5	5.5	Tbình
612	832771	22	Bùi Nguyễn Phương Thanh	27	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.25	10	9.0	Giỏi
613	832772	22	Đinh Ngọc Phương Thanh	12	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.75	10	9.0	Giỏi
614	832773	22	Phạm Trần Tuấn Thanh	04	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	4.25	9	8.0	Tbình
615	832774	23	Nguyễn Đăng Minh Thành	02	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	3.75	8.5	7.5	Tbình
616	832775	23	Nguyễn Thanh Thành	08	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.25	9.5	8.5	Khá
617	832776	23	Phan Văn Thành	27	10	1998	Bình Phước	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.75	10	9.0	Giỏi
618	832777	23	Trần Đình Thế	08	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	4.75	9	8.0	Tbình
619	832778	23	Phạm Minh Thêm	11	02	2000	Đồng Nai	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.5	10	9.0	Giỏi
620	832779	23	Trần Võ Anh Thi	08	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.5	9.75	9.0	Giỏi
621	832780	23	Đoàn Gia Hải Thiên	02	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	4.75	7.5	7.0	Tbình
622	832781	23	Nguyễn Hoàng Thuận Thiên	15	06	2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.25	7.5	7.0	Khá
623	832782	23	Nguyễn Trí Thiện	05	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8	8.5	8.5	Khá
624	832783	23	Trần Văn Thành	06	10	2000	Thái Bình	TT GDTX Quận 9	Tin học	3.25	8	7.0	Tbình
625	832784	23	Nguyễn Phúc Gia Thịnh	30	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7.5	10	9.5	Giỏi
626	832785	23	Nguyễn Trí Thông	01	09	2000	Vĩnh Long	TT GDTX Quận 9	Tin học	3.5	9	7.5	Tbình
627	832786	23	Hoàng Nhật Minh Thơ	01	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	4.75	7	6.5	Tbình
628	832787	23	Hồ Thị Thu Thúy	06	03	1999	Kon Tum	TT GDTX Quận 9	Tin học	v	v		
629	832788	23	Nguyễn Thị Thùy	30	10	1999	An Giang	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.5	8	7.5	Khá
630	832789	23	Đỗ Nguyễn Anh Thư	10	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.5	8.75	8.0	Khá
631	832790	23	Trần Thị Mộng Thư	07	12	2000	Trà Vinh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.75	8.75	8.5	Khá
632	832791	23	Võ Phương Hoàng Anh Thư	28	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.75	10	9.0	Giỏi
633	832792	23	Trần Bá Thượng	13	12	1984	Sóc Trăng	TT GDTX Quận 9	Tin học	v	v		
634	832793	23	Vũ Nhật Thy	05	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	6.25	8.75	8.0	Khá
635	832794	23	Hồ Thủy Tiên	06	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.5	8.75	8.0	Khá
636	832795	23	Nguyễn Kiều Kim Tiên	24	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.25	9	8.5	Khá
637	832796	23	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	22	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8.75	9.75	9.5	Giỏi
638	832797	23	Nguyễn Ngọc Tiên	25	12	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.75	9.75	9.0	Giỏi
639	832798	23	Nguyễn Phúc Tính	13	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.25	9.25	8.5	Khá
640	832799	23	Trần Công Tình	14	02	2000	Quảng Ngãi	TT GDTX Quận 9	Tin học	v	v		

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
641	832800	23	Hoàng Thu Trang	10	11	2000	Ninh Bình	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.25	10	9.0	Giỏi
642	832801	23	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	27	03	2000	Tiền Giang	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8.75	10	9.5	Giỏi
643	832802	24	Nguyễn Thị Bích Trâm	01	11	2000	Lâm Đồng	TT GDTX Quận 9	Tin học	v	v		
644	832803	24	Nguyễn Thúy Trâm	03	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7.75	7.5	7.5	Khá
645	832804	24	Trần Thị Trúc Trâm	09	01	2000	Đồng Nai	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8.5	10	9.5	Giỏi
646	832805	24	Nguyễn Trung Bảo Trần	11	06	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	4.5	10	8.5	Tbình
647	832806	24	Nguyễn Trọng Trí	16	08	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.75	10	9.0	Giỏi
648	832807	24	Nguyễn Hải Triều	03	06	1996	Đồng Nai	TT GDTX Quận 9	Tin học	5.75	8	7.5	Khá
649	832808	24	Võ Huỳnh Phát Triệu	17	11	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	3.75	5	4.5	Hổng
650	832809	24	Hoàng Thị Diễm Trinh	15	02	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	4.25	4	4.0	Hổng
651	832810	24	Nguyễn Y Trinh	09	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8	9.75	9.5	Giỏi
652	832811	24	Phạm Thị Ngọc Trinh	21	08	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học		v		
653	832812	24	Lê Công Trọng	22	03	2000	Thanh Hóa	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8	10	9.5	Giỏi
654	832813	24	Nguyễn Thị Thanh Trúc	17	06	1999	An Giang	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	8	9	9.0	Giỏi
655	832814	24	Vũ Hoàng Anh Trúc	19	03	1996	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	5.5	9	8.0	Khá
656	832815	24	Đặng Văn Trung	10	10	2000	Thái Bình	TT GDTX Quận 9	Tin học	4	5.25	5.0	Tbình
657	832816	24	Trần Quốc Trung	03	08	1992	Cần Thơ	TT GDTX Quận 9	Tin học	v	v		
658	832817	24	Lê Quang Trường	07	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	4.75	6.5	6.0	Tbình
659	832818	24	Nguyễn Lâm Nhật Trường	12	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5	8.5	7.5	Khá
660	832819	24	Nguyễn Nhật Trường	15	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.5	8.5	8.0	Khá
661	832820	24	Dương Tuấn Tú	02	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	4	8.5	7.5	Tbình
662	832821	24	Huỳnh Anh Tú	05	10	2000	Đồng Nai	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.25	8.75	8.0	Khá
663	832822	24	Huỳnh Võ Hoài Tú	02	08	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	4.75	8.75	8.0	Tbình
664	832823	24	Nguyễn Hoàng Minh Tú	12	10	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	5.25	7	6.5	Tbình
665	832824	24	Đỗ Đức Tuấn	28	12	2000	Thái Bình	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.75	8.75	8.5	Khá
666	832825	24	Lê Thanh Tuấn	08	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.25	6.75	6.5	Tbình
667	832826	24	Phạm Trần Thanh Tuấn	04	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.5	6.75	6.5	Tbình
668	832827	24	Trần Minh Tuấn	09	09	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7	9.25	8.5	Khá
669	832828	24	Lê Duy Tùng	06	09	2000	Quảng Bình	TT GDTX Quận 9	Tin học	5.75	5	5.0	Tbình
670	832829	24	Ngô Văn Tuyên	17	01	1994	Hải Phòng	TT GDTX Quận 9	Tin học	4.25	5.5	5.0	Tbình
671	832830	25	Nguyễn Thị Kim Tuyết	24	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.25	5	5.0	Tbình
672	832831	25	Nguyễn Thị Uyên	17	04	2000	Bắc Ninh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.5	6.75	6.5	Tbình
673	832832	25	Trần Kim Uyên	18	11	1999	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7	9	8.5	Khá
674	832833	25	Trần Ngọc Thảo Uyên	13	06	1996	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	4.25	6	5.5	Tbình

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm Thi			Xếp loại
				Ngày	Thg	Năm				LT	TH	ĐTB	
675	832834	25	Nguyễn Văn Văn	03	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	4.75	5	5.0	Tbình
676	832835	25	Lê Hồng Vân	02	09	2000	Thanh Hóa	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	4.5	5	5.0	Tbình
677	832836	25	Ngô Phương Vi	19	04	2000	Kiên Giang	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.75	4	4.5	Hỏng
678	832837	25	Nguyễn Hoàng Băng Thảo	02	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7.25	6	6.5	Tbình
679	832838	25	Lê Huỳnh Thúy Vy	22	10	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.5	6	6.0	Tbình
680	832839	25	Lê Phương Vy	27	04	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.5	6	6.0	Tbình
681	832840	25	Nguyễn Thanh Thúy Vy	02	05	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7.5	9.75	9.0	Giỏi
682	832841	25	Võ Thị Phương Vy	19	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	5.25	5.25	5.5	Tbình
683	832842	25	Lê Thị Mỹ Xuyên	06	04	2000	Cần Thơ	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.25	6	6.0	Tbình
684	832843	25	Nguyễn Ngọc Như Ý	19	07	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	7	9	8.5	Khá
685	832844	25	La Kim Yên	09	08	1997	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	4	3.25	3.5	Hỏng
686	832845	25	Nguyễn Trần Hải Yên	14	01	2000	Thành phố Hồ Chí Minh	TT GDTX Quận 9	Tin học	3.5	5.25	5.0	Tbình

DUYỆT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu

TỔNG KẾT

Tổng số thí sinh trong danh sách:	686
- Số thí sinh dự thi:	651
- Số thí sinh vắng:	35
- Số thí sinh hỏng:	8
- Số thí sinh đạt:	
+ Xếp loại Giỏi:	302
+ Xếp loại Khá:	244
+ Xếp loại Tbình:	97

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Nguyễn Bảo Quốc